

TRADITIONAL INSTRUMENTS OF CHAM PEOPLE AND RELATIONSHIP BETWEEN CHAM - VIET THROUGH TRADITIONAL INSTRUMENTS

Dang Nang Hoa

Ho Chi Minh City Open University

Email: hoa.dn@ou.edu.vn

Received: 24/11/2021; Reviewed: 17/2/2022; Revised: 26/2/2022; Accepted: 4/3/2022; Released: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/667>

Vietnam has 54 ethnic groups living together, including 53 ethnic minorities. Each ethnic group has its own cultural activities, but there are also common features of the region, so the intercultural exchange relationship between ethnic groups is natural, making our culture richer and more diverse. The two ethnic groups, Cham - Vietnamese are closely related in terms of historical origin and share the same Southeast Asian culture. Basically, Cham - Vietnamese cultural relations take place in many fields, from the form of material culture such as housing, production tools, Chung cake, Tet cake... to spiritual culture activities, customs and habits such as ancestor worship, mother worship, the concept of yin and yang in thinking about the world, and especially in the field of folklore culture. The article learns about traditional Cham musical instruments and the Cham - Vietnamese relationship through the aspect of traditional musical instruments. Thereby, in order to see the intercultural exchange and acculturation relationship of these two cultures in the historical process.

Keywords: *Cham - Vietnamese relationship; Folklore music; Traditional musical instrument...*

1. Đặt vấn đề

Văn hóa Nam Á - nền văn hóa cổ xưa mang đặc trưng của khu vực nhiệt đới gió mùa có liên quan đến văn hóa của nhiều dân tộc trong khu vực, trong đó có cả dân tộc Chăm và dân tộc Việt. Văn hóa Nam Á là nền văn hóa điển hình của văn minh nông nghiệp lúa nước, kết hợp văn hóa Biên với một địa bàn ảnh hưởng rộng lớn từ sông Dương Tử (Trung Quốc) đổ về phía Nam, phía Đông lan đến Nhật Bản và Australia, phía Tây trải đến Assam (Đông Bắc Ấn Độ) và Madagasca. Dân tộc Chăm - Việt vốn có quan hệ gần gũi về nguồn gốc lịch sử và cùng nền văn hóa Nam Á. Trong lịch sử văn hóa của hai dân tộc cũng đã có những quan hệ giao lưu lâu đời, gắn bó và hòa hợp sâu xa. Về cơ bản, quan hệ văn hóa Chăm - Việt diễn ra trên nhiều lĩnh vực, từ dạng thức của văn hóa vật chất như: Nhà ở, công cụ sản xuất, bánh Chung bánh Tét... đến sinh hoạt văn hóa tinh thần, phong tục tập quán như tục thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ mẫu, tín ngưỡng phồn thực, ý niệm âm dương trong tư duy về thế giới, và nhất là trong lĩnh vực văn hóa dân gian.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày tổng quan về nhạc cụ truyền thống người Chăm và mối quan hệ giữa hai dân tộc Chăm - Việt qua lĩnh vực âm nhạc dân gian. Qua đó, nhằm thấy được mối quan hệ giao lưu tiếp biến văn hóa của hai nền văn hóa này trong quá trình lịch sử.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong quá trình lịch sử, giao lưu âm nhạc giữa hai dân tộc Chăm - Việt được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến. Theo lịch sử ghi lại, vua Lý Thánh Tông (1054-1073) tương truyền là người tinh thông âm luật, trực tiếp phiên chế nhạc khúc của người Chiêm Thành cùng nhip trống cho các nhạc công người Việt ca - múa (năm 1060). Lối hát này buổi đầu thịnh hành trong cung, nhưng sau cũng được truyền ra ngoài dân gian. Vua còn sáng chế ra cái “Tiết âm cổ”, như hình bàn cờ, ở giữa khoét lỗ tròn, đặt trống vào trong đó mà đánh, tiếng nghe nhip nhàng.

Vua Cao Tông (1176-1210) cũng là người thích nghe hát, tháng 8 năm 1203 vua sai đặt nhạc khúc “Chiêm Thành Âm” (còn gọi là “Chiêm Thành nhạc khúc”) theo âm điệu của Chiêm Thành, tiếng trong trẻo ai oán, bi thương khiến ai nghe cũng rơi lệ. Sử còn ghi rõ: Vua Cao Tông ngự hành cung Hải Thanh, còn cho nhạc công gảy đàn “bá lỗ”, đệm cho các nữ hát khúc “Chiêm Thành âm”...

Trong triều, nhà sư Nguyễn Thường nghe khúc nhạc, đã than: “Tôi nghe nói, thanh âm của nước loạn thì ai oán giận hờn... Tiếng nhạc ai oán làm não lòng người! Đó là triều chúng bại vong...”. Sau đó, với sự can gián của triều thần, vua đã ít chuộng nghe nhạc Chiêm Thành. Cho thấy, người xưa đã khẳng định “âm nhạc là gốc của văn hóa xã hội”. Qua những gì mà lịch sử đã ghi lại, chúng ta âm nhạc Chăm và âm nhạc Việt có mối giao lưu, ảnh hưởng lâu đời trong quá trình lịch sử.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, tác giả sử dụng một số phương pháp cụ thể như: Phương pháp thu thập tài liệu sơ cấp, thứ cấp; phương pháp tổng hợp, phân tích nhằm tìm hiểu về nhạc cụ truyền thống người Chăm và mối quan hệ Chăm - Việt qua khía cạnh nhạc cụ truyền thống. Đồng thời, từ đó thấy được mối quan hệ giao lưu tiếp biến văn hóa của hai nền văn hóa này trong tiến trình lịch sử.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Vài nét về nhạc cụ truyền thống tộc người Chăm

Nhạc khí là một trong những thành tố quan trọng tạo nên nét đặc trưng riêng trong văn hóa âm nhạc dân tộc. Đối với cộng đồng người Chăm, nhạc khí là thành phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần, góp phần tạo nên phần hồn của các lễ hội, của các sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng.

Theo nhận định của các nhà nghiên cứu, nhạc cụ truyền thống của người Chăm rất phong phú và đa dạng. Mặc dù, nhiều loại nhạc khí trong hệ thống nhạc cụ ấy đã bị thất truyền: Khen bầu Raklé, Seng, Kadét, Kalah, đàn Campi, đàn Kaping, đàn Rabap... nhưng những nhạc cụ còn lưu truyền đến hôm nay vẫn tạo nên một dàn nhạc hoàn chỉnh với đầy đủ tổ bộ và chức năng.

Trước đây, trong quá trình phân loại các nhạc cụ truyền thống các dân tộc Việt Nam, các nhà khoa học nước ta thường sử dụng cách thức phân loại nhạc cụ theo lối tổ bộ của dàn nhạc giao hưởng thời âm nhạc cổ điển phương Tây. Theo cách phân loại này, các nhạc cụ truyền thống Việt Nam nói chung và nhạc cụ của người Chăm nói riêng được phân thành 3 bộ: Bộ dây, bộ hơi và bộ gõ.

Bộ gõ	Bộ hơi	Bộ dây
- Trống Baranang	- Kèn Saranai	- Đàn Kanyi
- Trống Ginang	- Seng	
- Hagar Praong		
- Hagar Sit		
- Kaleng peng		

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, các nhà nghiên cứu đánh giá rằng cách phân loại này không phù hợp với thực tiễn âm nhạc Việt Nam. Vì vậy, chúng ta đang chuyển sang xu hướng phân loại theo tiêu chí phân loại nhạc khí được Hội đồng Âm nhạc truyền thống (ITCM) thuộc tổ chức UNESCO đề xuất dựa trên sáng kiến của hai nhà âm nhạc học phương Tây là E.M. Hornbostel và C. Sachs vào năm 1914. Cách phân loại này dựa trên hai nguyên tắc:

- Nguyên tắc thứ nhất là dựa trên nguồn vật chất chuyển động tạo ra âm thanh để phân loại các loại nhạc khí ra thành 4 họ: Họ dây, họ hơi, họ màng rung và họ thân tự vang.

- Nguyên tắc thứ hai là dựa trên phương pháp

kích âm để chia các loại nhạc cụ trong cùng một họ ra thành các chi.

Theo cách phân loại này, các nhạc khí của người Chăm được phân loại thành các họ và các chi như sau:

Họ màng rung			Họ dây	Họ hơi	Họ thân tự vang
Chi màng rung gỗ	Chi màng rung vỏ	Chi màng rung vừa gỗ vừa vỏ			
- Hagar Praong	- Baranang	- Ginang	- Kanyi (rabap)	- Saranai	- Ceng (Chiêng)
- Hagar Sit				- Seng	- Lục lạc
- Kaleng peng					

Dàn nhạc truyền thống của cộng đồng người Chăm có đầy đủ các loại nhạc cụ thuộc các chi: Màng rung gỗ, màng rung vỏ và màng rung vừa gỗ vừa vỏ theo tiêu chí phân loại nhạc cụ họ màng rung của Hội đồng Âm nhạc truyền thống.

4.2. Mối quan hệ Chăm - Việt qua nhạc cụ truyền thống

Tìm hiểu và so sánh âm nhạc dân gian Chăm - Việt thể hiện qua những nét tương đồng và gần gũi ở các khía cạnh sau:

Về nhạc cụ truyền thống, cả hai dân tộc có những nét tương đồng với nhau qua các loại nhạc cụ sau:

• **Bộ dây kéo:** Chúng ta có thể nhận thấy ở cả hai dân tộc đều có đàn Nhị. Người Chăm gọi là Kanyi, bởi bầu vang của đàn được làm bằng mai rùa nên được gọi với cái tên là Ka-nyi Kara (Kara tiếng Chăm có nghĩa là con rùa). Dây đàn được làm bằng sợi tơ se lại hoặc dây cước. Kỹ thuật diễn tấu của loại nhạc cụ này khá đơn giản, chủ yếu dùng trong nhạc lễ. Đàn Ka-nyi có âm điệu thánh thót, tiếng đàn gần gũi với tiếng người, tiếng chim. Ở người Chăm nghệ nhân sử dụng loại nhạc cụ này là thầy lễ Ong Kadhar - một trong những nghệ nhân có vai trò quan trọng trong các nghi lễ, lễ hội dân gian của người Chăm.

Đàn Nhị của người Việt giữ vai trò chủ đạo trong hát Xẩm, là thành viên trong nhạc phường bát âm, dàn nhã nhạc, ban nhạc châu văn, tài tử và dàn nhạc tổng hợp.

Cách sử dụng đàn Nhị: dùng tay trái giữ dọc nhị và bấm đàn bằng lòng ngón tay hoặc đầu ngón tay, tay phải cầm cung vĩ để kéo dây tạo ra âm thanh.

• **Bộ hơi:** Loại nhạc cụ này ở người Chăm có kèn Saranai, người Việt có kèn Bầu. Kèn Saranai tham gia hầu hết vào các ban nhạc lễ trong lễ hội dân gian của người Chăm. Kèn Saranai có âm thanh to, vang xa thích hợp để hòa tấu với trống Ginang, và trống Baranang, đây là bộ ba quan trọng trong dàn nhạc dân gian Chăm. Cấu tạo kèn Saranai tương tự như nhiều loại kèn Loa của người Việt như kèn Bầu, kèn Trung. Kèn Saranai có một bộ phận đặc sắc là dăm kèn, ở kèn Bầu cũng có thể có dăm kèn nhưng ít phổ biến hơn. Kèn Saranai dùng trong ban nhạc

đệm cho múa lễ Rija của người Chăm.

Kèn Bầu là nhạc khí hơi, sử dụng dăm kép. Là loại nhạc khí hơi dăm kép rất phổ biến tại Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Nó là nhạc cụ do nam giới sử dụng trong việc đón khách, đám cưới, đám tang... là thành phần quan trọng trong nghệ thuật Nhã nhạc cung đình Huế và Châu văn. Kèn Bầu thường được diễn tấu cùng với các nhạc cụ khác như: Trống, chũm chọe và chuông, đôi khi kết hợp cùng với thanh la.

Cũng thuộc loại nhạc khí thổi hơi, ở người Việt và người Chăm đều có Tù và mà người Chăm thường gọi là Seng hay Û. Cấu tạo loại nhạc cụ này ở hai dân tộc hoàn toàn giống nhau, không có gì khác biệt lắm. Loại nhạc cụ này được làm bằng ốc biển hay sừng trâu. Tù và được Ong Tyap Bhut (thầy Pháp) thổi trong lễ cúng và thầy Pasêh thổi trong đám tang của người Chăm Ahiêr (Chăm Balamôn).

• *Sáo ngang* (Taliak): Ở người Chăm loại nhạc cụ này không còn phổ biến nữa, trước đây sáo ngang Chăm thường thấy ở các công trình điêu khắc của người Chăm. Hiện nay, sáo ngang không thấy trong dàn nhạc truyền thống của người Chăm, mà nó lại phổ biến trong dàn nhạc truyền thống của người Việt.

• *Bộ gõ*: Ở người Chăm có trống Ginang, mà trống Com của người Việt có lẽ là phiên bản của trống Ginang mà ra, nhưng trống Ginang to và dài hơn trống Com. Trống Ginang luôn được dùng từng đôi và có hệ thống dây chằng để làm cho mặt trống căng hay chùng ít nhiều. Trống Ginang tham gia hầu hết vào các hoạt động biểu diễn của người Chăm, trong sinh hoạt cũng như trong lễ hội dân gian. Bộ ba quan trọng nhất trong dàn nhạc truyền thống của người Chăm đó là trống Ginang, trống Baranang và kèn Saranai.

Theo Lê Tấn, trong mục “Phong tục”, cung đình có tổ chức các dàn nhạc, gồm: kèn “... Nhạc khí: Có thứ trống “phạn sĩ” (trống com), nguyên nhạc - khí của Chiêm Thành, kiểu tròn dài, nghiêng com, bịt hai đầu, cứ giữa mặt mà vỗ thì kêu tiếng trong mà rõ ràng, hợp với trống, thấp nửa, cái xập xoã, cái trống lớn, gọi là đại nhạc, chỉ vua mới được dùng; các tôn thất, quý quan có gặp lễ đám cưới mới cho dùng đại nhạc”.

Trống Com đã đi sâu vào đời sống âm nhạc dân gian của người Việt qua bài dân ca “Trống com”. Trống Com là nhạc cụ quan trọng trong nhạc lễ Nam bộ và Tuồng. Còn trong Chèo thì trống com chỉ đóng vai trò đánh luồn vào đàn chứ không có bài bản riêng. Ngày nay, nhiều ban nhạc cũng sử dụng trống com.

Hagar Praong (trống lớn) của người Chăm tương tự như trống Cái hay trống Châu của người Việt. Ở người Chăm không dùng loại trống này trong các hoạt động biểu diễn mà được dùng trong các nghi lễ Hội giáo (trong thánh đường) và trong lễ tang của

người Chăm Ahiêr (Chăm Balamôn).

Trống Châu hay trống Đế là nhạc cụ thuộc bộ gõ, họ màng rung xuất hiện ở Việt Nam từ khá lâu đời. Trong nghệ thuật Chèo người ta gọi là trống Đế, còn trong Ca trù nó được gọi là trống Châu. Đúng như tên gọi, trống Đế làm nhiệm vụ để có nghĩa là lót, là chỗ dựa, làm đệm xuyên cho diễn viên khi biểu diễn và ca hát. Trống được coi là nhạc khí thuộc bộ gõ quan trọng không thể thiếu trong Ca trù và sân khấu Chèo truyền thống. Ngoài ra, trống cũng được dùng trong một vài thể loại ca nhạc dân tộc khác như Châu văn nhưng không phổ biến.

5. Thảo luận

Người Chăm là một tộc người có nền âm nhạc rất phong phú và đa dạng. Trải qua những bước thăng trầm của lịch sử nền âm nhạc của tộc người Chăm cũng phát triển một cách đặc biệt, vừa mở rộng phạm vi ảnh hưởng sang các vùng, các tộc người xung quanh, vừa học hỏi, tiếp nhận nền âm nhạc của các tộc người khác. Chính điều này đã tạo nên một kho tàng âm nhạc dân gian Chăm vô cùng độc đáo và giàu bản sắc. Trong nền âm nhạc Chăm, nhạc cụ truyền thống đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng Chăm. Có thể nói, hầu hết, các lễ hội, lễ nghi, tín ngưỡng tôn giáo của tộc người Chăm đều không thể thiếu nhạc cụ truyền thống.

Ngày nay, để tìm hiểu về hệ thống nhạc cụ Chăm không thể không tìm hiểu qua nhạc cụ truyền thống của mối quan hệ Chăm - Việt để có những so sánh, đối chiếu và trong tương lai cũng có thể phục hồi lại một số nhạc cụ đã thất truyền của người Chăm. Đây cũng là sự góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật dân tộc.

Như vậy, nhạc cụ truyền thống của người Chăm và mối quan hệ Chăm - Việt rất gần gũi nhau không chỉ về cấu trúc, hình dáng, chức năng mà cả âm thanh, thang điệu. Tuy nhiên, mỗi tộc người lại có những nhạc cụ đặc trưng của riêng mình. Điều này cho thấy được yếu tố thống nhất trong đa dạng về các loại nhạc cụ truyền thống của tộc người Chăm và mối quan hệ Chăm - Việt. Trong lịch sử văn hóa của hai dân tộc cũng đã có những quan hệ giao lưu lâu đời, gắn bó và hòa hợp sâu xa. Có thể nói, về cơ bản, quan hệ văn hóa Chăm - Việt diễn ra trên nhiều lĩnh vực, từ dạng thức của văn hóa vật chất như: Nhà ở, công cụ sản xuất, bánh chưng bánh Tét... đến sinh hoạt văn hóa tinh thần, phong tục tập quán như tục thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ mẫu, tín ngưỡng phồn thực, ý niệm âm dương trong tư duy về thể giới, và nhất là trong lĩnh vực văn hóa dân gian. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung trình bày tổng quan về nhạc cụ truyền thống người Chăm và mối quan hệ giữa hai dân tộc Chăm - Việt qua lĩnh vực âm nhạc dân gian. Thông qua đó, để thấy được mối quan hệ giao lưu tiếp biến văn hóa của hai nền văn hóa này trong quá trình lịch sử.

6. Kết luận

Trên đây là những kết quả tìm hiểu bước đầu về mối quan hệ giữa hai dân tộc qua lĩnh vực âm nhạc dân gian. Qua đó, chúng ta có thể nhận thấy âm nhạc dân gian Chăm và âm nhạc dân gian Việt đã gặp nhau và vay mượn lẫn nhau trong nhiều thế kỷ. Sự phân bố lan về phía Nam của người Việt và âm nhạc Việt là cả một quá trình giao lưu văn hóa và hòa hợp dân tộc rộng rãi, sâu sắc, lâu dài với người Chăm khiến cho “nhạc Việt nhuộm màu Chăm”.

Qua nhiều điểm gặp gỡ trong lĩnh vực âm nhạc dân gian của hai dân tộc Chăm - Việt, chúng ta có thể khẳng định rằng: Đó là kết quả của sự giao lưu và hòa hợp văn hóa một cách bình đẳng, tự nguyện.

Là kết quả của sự hòa hợp văn hóa của hàng chục triệu nhân dân lao động tiên hành âm i, sâu kín qua hàng nghìn năm lịch sử.

Đất nước Việt Nam có 54 dân tộc anh em chung sống, mỗi dân tộc đều có những hoạt động văn hóa mang tính chất riêng biệt, nhưng cũng có những nét đặc thù chung của khu vực, nên mối quan hệ giao lưu giữa các dân tộc là điều tất yếu, càng làm cho nền văn hóa chúng ta thêm phong phú, đa dạng. Sự kết hợp hài hòa giữa những nền văn hóa có phong cách riêng của các dân tộc anh em sống trong tổ quốc chung, giống như những bông hoa nở rộ trong rừng hoa đẹp muôn sắc ngàn hương của các dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Canh, L. N. (1992). Tu duy am nhạc của người Cham. *Tap chi Van hoa Dan gian*, so 3.
- Duy, P. (1972). *Dac khao ve dan nhạc o Viet Nam*. Nxb. Hien dai.
- Hoa, D. N. (2007). Quan he Cham - Viet qua am nhạc dan gian. *Tap chi Khoa hoc Dai hoc Mo Thanh pho Ho Chi Minh*, 1(11).
- Lien, H. (1999). *Vai tro am nhạc trong le hoi dan gian của toc người Cham o Ninh Thuan*. Vien Am nhạc. Nxb. Am nhạc.
- Loan, T. (2001). Nhạc khi Cham o Ninh Thuan. *Tap chi Van hoa Nghe thuat*, 9(207), tr.43-45.
- Mon, T. Van, & Khanh, T. T. (2014). *Nghe thuat ca mua nhạc người Cham*. Nxb. Tri thuc.
- Moussay, G. (1971). *Tu dien Cham - Viet - Phap*. Trung tam van hoa Cham, Phan Rang.
- Tac, L. (1961). *An Nam chi luoc*. Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam. Nxb. Vien Dai hoc Hue.
- Thanh, T. N., & Thao, H. (1986). *Tim hieu am nhạc dan toc co truyen*. Ha Noi: Nxb. Van hoa.

NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG NGƯỜI CHĂM VÀ MỐI QUAN HỆ CHĂM - VIỆT QUA NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG

Đàng Năng Hòa

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Email: hoa.dn@ou.edu.vn

Nhận bài: 24/11/2021; Phản biện: 17/2/2022; Tác giả sửa: 26/2/2022; Duyệt đăng: 04/3/2022; Phát hành: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/667>

Việt Nam có 54 dân tộc cùng chung sống, trong đó có 53 dân tộc thiểu số. Mỗi tộc người đều có những hoạt động văn hóa mang tính chất riêng biệt, nhưng cũng có những nét đặc thù chung của khu vực, nên mối quan hệ giao lưu tiếp biến văn hóa giữa các tộc người là điều tất nhiên, càng làm cho nền văn hóa chúng ta thêm phong phú, đa dạng. Hai tộc người Chăm - Việt vốn có quan hệ gần gũi về nguồn gốc lịch sử và cùng chung nền văn hóa Đông Nam Á. Về cơ bản, quan hệ văn hóa Chăm - Việt diễn ra trên nhiều lĩnh vực, từ dạng thức của văn hóa vật chất như: Nhà ở, công cụ sản xuất, bánh Chung, bánh Tét... đến sinh hoạt văn hóa tinh thần, phong tục tập quán như tục thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ mẫu, ý niệm về âm dương trong tư duy về thế giới, và nhất là trong lĩnh vực văn hóa dân gian. Bài viết tìm hiểu về nhạc cụ truyền thống người Chăm và mối quan hệ Chăm - Việt qua khía cạnh nhạc cụ truyền thống. Qua đó, nhằm thấy được mối quan hệ giao lưu tiếp biến văn hóa của hai nền văn hóa này trong tiến trình lịch sử.

Từ khóa: *Quan hệ Chăm - Việt; Âm nhạc dân gian; Nhạc cụ truyền thống...*